

Bản án số: 340/2025/HS-PT
Ngày: 30/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến và bà Phan Thị Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo **Chế Kim Mỹ N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị Ngọc D** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

CHẾ KIM MỸ N, sinh ngày 16/9/1981 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi ĐKNKTT: **Khu phố A, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận**; nơi ở trước khi bị bắt: Phòng A1 37.04 Tòa nhà AQUA 1, **Vinhomes G, số B T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Tài chính, kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Chế Kim C** và bà **Tô Thị N1**; có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giữ, bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an thành phố Đ**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Văn Đ** – **Công ty L**, thuộc **Đoàn luật sư thành phố Đ**; có mặt.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Đức Viễn T1**, sinh năm 1994; nơi thường trú: **K đường N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng**; nơi ở hiện nay: **1 đường số A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** và bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm

1994; nơi thường trú: Tổ F phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện nay: 1 đường số A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1959; trú tại: A T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1993; nơi cư trú: 543/17 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06/2023, Chế Kim M Ngân biết việc Nguyễn Đức V Tin bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H triệu tập làm việc do có hành vi vi phạm pháp luật. Lợi dụng tâm lý Tin lo lắng bị xử lý hình sự nên Chế Kim Mỹ N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Tin bằng cách đưa ra thông tin gian dối là N có quen biết với nhiều lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, có thể can thiệp giúp cho T1. Vợ chồng Nguyễn Đức Viễn T1 và Nguyễn Thị Ngọc T tin tưởng N nên nhiều lần chuyển tiền để N giúp. Nhằm tránh bị phát hiện, N nhờ Phạm Thị Ngọc D (là bạn của N) mượn tài khoản ngân hàng, D đồng ý và đưa tài khoản số 19027765348011 Ngân hàng T4 mang tên Phạm Quốc H (cha ruột của D đang sinh sống tại Thành phố Hà Nội). Sau khi tài khoản Phạm Quốc H nhận được tiền, D nói ông H chuyển tiền cho N đến tài khoản số 1019837468 Ngân hàng V1 mang tên Chế Kim Mỹ N. Từ tài khoản này N chuyển tiền đến tài khoản số 19035162343016 Ngân hàng T4 mang tên Chế Kim Mỹ N và N tiếp tục chuyển số tiền này đến 07 thẻ tín dụng của N và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Với thủ đoạn như trên Chế Kim Mỹ N đã chiếm đoạt của vợ chồng Nguyễn Đức V Tin và Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 6.672.800.000 đồng, cụ thể:

Lần 01: Ngày 29/6/2023, Nguyễn Thị Ngọc T đang ở Đà Nẵng Ngân yêu cầu chuyển số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản số 19027765348011 Ngân hàng T4 mang tên Phạm Quốc H để N lo việc. Trâm nhờ chị ruột của T1 là Nguyễn Thị Phương T3 chuyển số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản của Phạm Quốc H.

Lần 02 đến lần 09: Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng tài khoản số 02692786101 Ngân hàng T5 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T chuyển tiền đến tài khoản của ông Phạm Quốc H, cụ thể: Ngày 14/7/2023, T chuyển 500.000.000 đồng; ngày 24/7/2023, T chuyển 500.000.000 đồng; ngày 29/7/2023, T chuyển 500.000.000 đồng; ngày 01/9/2023, T chuyển 361.275.000 đồng; ngày 04/9/2023, T chuyển 361.275.000 đồng; ngày 14/9/2023, T chuyển 1.208.250.000 đồng; ngày

19/10/2023, T chuyển 2.450.000.000 đồng; ngày 20/01/2024, T chuyển 292.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được Chế Kim Mỹ N chuyển vào 07 thẻ tín dụng cá nhân của N tại các Ngân hàng với tổng số tiền 4.913.638.678 đồng, cụ thể: Ngân hàng TMCP P (O) số tài khoản 947195 số tiền 1.649.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP S (S1) số tài khoản 0937879798 số tiền 379.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP S (S1) số tài khoản 4364380073545145 số tiền 166.428.207 đồng; Ngân hàng TMCP K (T4) số tài khoản 19735162343018 số tiền 559.805.107 đồng; Ngân hàng TMCP K (T4) số tài khoản 19735162343026 số tiền 1.807.452.771 đồng; Ngân hàng TMCP Q (V2) số tài khoản 5268879900334973 số tiền 178.860.617 đồng; Ngân hàng TMCP Q1 (M1) số tài khoản 3564335467995678 số tiền 137.087.065 đồng, sau đó sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Số tiền còn lại hơn 1.759.161.322 đồng N đã trả nợ cho Phạm Thị Ngọc D số tiền 713.450.000 đồng; thanh toán vé máy bay đi du lịch Hàn Quốc, đến số tài khoản 10220103108010 Ngân hàng T4 mang tên Công ty TNHH X số tiền 200.547.000 đồng; thanh toán tiền thuê căn hộ 502.200.000 đồng đến tài khoản số 14020672898807 Ngân hàng T4 mang tên Trần Xuân A; mua trang sức tại Quế Jewelry với số tiền 164.380.000 đồng; rút tiền mặt để tiêu xài số tiền 198.010.437 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Chế Kim Mỹ N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Chế Kim Mỹ N 17 (Mười bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 03/02/2024.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bà Phạm Thị Ngọc D phải nộp lại số tiền 713.450.000 đồng; bà Chế Kim Mỹ C1 phải nộp lại số tiền 73.200.000 đồng; bà Chế Kim Mỹ C2 nộp lại số tiền 29.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo N cho bị hại.

Ngày 03/3/2025, bị cáo Chế Kim Mỹ N kháng cáo đề nghị hủy án, xem xét việc tạm giữ các tài sản của bị cáo đó là: đồng hồ, túi xách, giày và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/4/2025, bà Phạm Thị Ngọc D kháng cáo không chấp nhận nộp lại số tiền 713.450.000 đồng.

Ngày 09/4/2025, bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo đề nghị xem xét bỏ lọt người phạm tội bà Phạm Thị Ngọc D. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ đó là thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Chế Kim Mỹ N**, bà **Phạm Thị Ngọc D**, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Ngọc T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến ngày 20/01/2024, lợi dụng việc ông **Nguyễn Đức V** Tin bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** triệu tập làm việc do vi phạm pháp luật, **Chế Kim Mỹ N** đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối có quen biết nhiều lãnh đạo cấp cao của Nhà nước, có thể nhờ can thiệp giúp Tin không bị xử lý hình sự, yêu cầu vợ chồng ông **T1** và bà **T** nhiều lần chuyển tiền để lo lót, chạy án, với thủ đoạn như trên bị cáo đã chiếm đoạt của ông **T1** và bà **T** tổng số tiền 6.672.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo sử dụng trả nợ, tiêu xài cá nhân, mua sắm và sử dụng dịch vụ, đến nay mất hoàn toàn khả năng bồi thường.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo **Chế Kim Mỹ N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo **Chế Kim Mỹ N**; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cho những nhu cầu xa xỉ của bản thân, bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần; hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của gia đình bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội.

[2.2] Bị cáo nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để nhiều lần chiếm đoạt tiền của bị hại, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại

diện bị hại đề nghị áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng như “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để phạm tội” và “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” đối với bị cáo, đề nghị này của đại diện bị hại là không phù hợp với quy định và hướng dẫn của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng tại phiên tòa công khai bị cáo khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội, phủ nhận toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra; không thực hiện việc bồi thường hoặc tác động gia đình bồi thường nên bị cáo không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Bị cáo cho rằng có vi phạm tố tụng khi cơ quan điều tra thu giữ nhiều tài sản là quần áo, giày dép, túi xách hàng hiệu và 01 điện thoại di động của bị cáo nhưng không lập biên bản, không được đưa vào hồ sơ vụ án, chưa tiến hành đối chất với ông T1 là điều tra chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo, nên đề nghị trả hồ sơ để điều tra làm rõ các vấn đề trên. Sau khi kiểm tra và đánh giá các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; thấy rằng không có bất cứ tài liệu nào thể hiện cơ quan điều tra có thu giữ các tài sản nói trên; xuyên suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo N không có bất cứ ý kiến, khiếu nại gì về vấn đề này; do đó khiếu nại và tố cáo của bị cáo là không có căn cứ.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền bị hại - ông Nguyễn Đức T2 xin rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên theo quy định Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4] Án sơ thẩm buộc bà Phạm Thị Ngọc D nộp lại số tiền 713.450.000 đồng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vì đối với các khoản tiền mà N dùng để chuyển khoản cho bà Phạm Thị Ngọc D, trong khi đó bà D không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc có cho bị cáo N vay mượn tiền, dòng tiền bị cáo dùng chuyển khoản trả nợ là tiền do phạm tội mà có.

[5] Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Chế Kim Mỹ N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Chế Kim Mỹ N**, bà **Phạm Thị Ngọc D**, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Ngọc T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo **Chế Kim M** Ngân 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 03/02/2024.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bà **Phạm Thị Ngọc D** phải nộp lại số tiền 713.450.000 đồng; bà **Chế Kim Mỹ C1** phải nộp lại số tiền 73.200.000 đồng; bà **Chế Kim Mỹ C2** nộp lại số tiền 29.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo **N** cho bị hại.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Chế Kim Mỹ N** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (03);
- Công an thành phố Đà Nẵng (04);
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA tp Đà Nẵng (02);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường